

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 85/2021/HS-ST

Ngày 27-10-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Liệu**.

2. Bà **Trần Thúy Nga**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Thành Trung** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh A H (tên gọi khác: H Trâu) – sinh năm 1988, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: số nhà 11, tổ 1, khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh A Xây – sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Hồng – sinh năm 1962; vợ: Phạm Thúy Kiều – sinh năm 1985 (đã ly hôn năm 2013); có 01 con sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: ngày 09/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Xuân Phú, thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong ngày 26/3/2020; nhân thân: ngày 15/6/2004, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Định Quán ra Quyết định đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4 Long Thành, thời hạn 24 tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 27/7/2009, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục Huy Khiêm, thời hạn 24 tháng, về hành vi “Cố ý gây thương tích”, ngày 23/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Xuân Phú, thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng

trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong; bị cáo bị bắt ngày 04/02/2021 và đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Định Quán cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác: Út H1) - sinh năm 1983, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé – sinh năm 1935 (đã chết) và bà Thi Thị Hai – sinh năm 1942 (đã chết); có chồng là Hồ Đình Bá – sinh năm 1973 (đã ly hôn) và chồng sau là Lâu Say Lộc – sinh năm 1975 (đã chết); con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo ra đầu thú ngày 01/3/2021 và được khởi tố tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay (có mặt).

3. Lê Thanh H3 (tên gọi khác: Thắm) – sinh năm 1991, tại Tiền Giang.

Nơi đăng ký thường trú: ấp An Phú, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu Đức – sinh năm 1965 và bà Trần Thị Yển – sinh năm 1967; có chồng là Phạm Văn Sỹ - sinh năm 1993; con: 02, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt ngày 04/02/2021 và tạm giam đến ngày 11/3/2021 được tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

1. Anh **Vòng Sỳ L** – sinh năm 1990; trú tại: ấp 1, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Bà **Võ Thị T** – sinh năm 1968; trú tại: ấp Hòa Thuận, xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1983; trú tại: ấp 4, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trang Văn T** – sinh năm 1986; trú tại: khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị P** – sinh năm 1956; trú tại: khu phố H1 Lợi, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Quốc H** – sinh năm 1981; trú tại: khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

4. Ông **Vòng Thành V** – sinh năm 1966; trú tại: khu phố 114, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

5. Ông **Dương Ngọc T** – sinh năm 1957; trú tại: khu phố H1 Lợi, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

6. Ông **Huỳnh A X** – sinh năm 1961; trú tại: khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

7. Ông **Nguyễn Văn C** – sinh năm 1966; trú tại: ấp Phương Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Huỳnh A H và Lê Thanh H3 có quan hệ tình cảm, sống chung như vợ chồng. H không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu xài cá nhân và lo ăn uống sinh hoạt cho H3, nên H thường xuyên đi trộm cắp tài sản để đưa tài sản cho H3 đi bán kiếm tiền tiêu xài. Quá trình đi trộm cắp tài sản thì H rủ thêm Nguyễn Thị H1 cùng trú tại khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán để phụ giúp. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và cùng H3 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Định Quán, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 05/01/2021, H đi bộ đến khu vực chợ Phú Lợi, khi tới nhà anh Vòng Sỳ L, ở tại ấp 1, xã Phú Lợi, H phát hiện cửa nhà khóa không cẩn thận nên mở cửa đi vào nhà, thấy trong nhà không có người ở, H lục soát tìm tài sản và phát hiện 01 ti vi hiệu TCL, 55inch treo trên tường. Liên sau đó H đã tháo xuống mang về cất giấu. Khoảng 02 - 03 ngày sau, H mang ti vi đi bán thì gặp chị Huỳnh Ngọc Yến Nhi (là bạn bè ở gần nhà) nên nhờ chị trợ giúp, H nói với chị Nhi là bán giùm ti vi của người quen ở gần nhà, chị Nhi đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 60B4-551.34 của H, chở H đi bán ti vi cho anh Trang Văn T cùng trú tại khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán với giá 4.500.000 đồng. Khi bán ti vi cho anh Tài, H nói với anh T là ti vi của người quen nhờ bán giùm, sau khi bán được ti vi thì H cho chị Nhi số tiền là 50.000 đồng. Số tiền H thu được từ việc bán ti vi H đã tiêu xài hết.

Tài sản thiệt hại: 01 Ti vi hiệu TCL 55 inch, model L55P65. Căn cứ Kết luận Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Định Quán ngày 22/3/2021, xác định trị giá tài sản thiệt hại là 6.000.000 đồng (bút lục số 93).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 10/01/2021, H đi bộ một mình đến khu vực xã Ngọc Định, khi tới nhà bà Võ Thị T ở tại ấp Hòa Thuận, xã Ngọc Định, thấy song sắt cửa sổ bên hông nhà bị mục, H lấy 01 khúc cây có sẵn ở gần nhà bà Thảo phá hư song sắt cửa sổ rồi chui vào trong nhà. H nhìn thấy bà Thảo ngủ say nên mở cốp xe mô tô dựng trong nhà lục soát trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K (mặt trái tim màu xanh) trọng lượng 01 chỉ; 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 01 chỉ (dạng mắt xích); 02 nhẫn vàng 24K, trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ; tiền mặt 11.400.000 đồng. Ngoài ra, H còn trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1610 màu hồng (đã qua sử dụng, không có sim) ở gần chỗ bà Thảo ngủ; 01 loa “kẹo kéo” cùng 01 bộ sạc pin và 02 micro (đã qua sử dụng) để ở gần cửa hông nhà. Sau khi lấy được tài sản, khoảng 05 ngày sau H đưa cho H3 02 nhẫn đeo tay, 01 dây chuyền, 01 lắc tay đi bán được số tiền là 8.000.000 đồng, bán tại tiệm vàng “Thiệt 1” ở khu phố

H1 Lợi, thị trấn Định Quán (do sống chung với H như vợ chồng nên H3 biết là tài sản H trộm cắp được mà có, nhưng không rõ ở đâu); H một lần chở H3 đi bán 01 mặt dây chuyền được số tiền 1.000.000 đồng tại tiệm vàng “Vĩnh Hằng” ở ấp Phương Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra H trực tiếp một lần đi bán 01 dây chuyền được 11.000.000 đồng tại tiệm vàng “Thiệt 1” trú tại như trên. Số tiền thu được từ việc bán vàng H lấy tiêu xài cá nhân và lo sinh hoạt cho H3. Số tiền mặt 11.400.000 đồng H trộm cắp được H3 không biết nên H sử dụng tiêu xài cá nhân hết. H cho H3 500.000 đồng để tiêu xài riêng và 01 điện thoại VIVO 1610 để H3 sử dụng, số tiền 500.000 đồng H3 và H đã tiêu xài chung hết. Đối với 01 dàn loa “kẹo kéo” do quen biết với anh Nguyễn Quốc Hải (là bạn bè ở cùng khu phố), H cho anh Hải mượn sử dụng, anh Hải không biết là tài sản H trộm cắp mà có và H cũng không nói cho anh Hải biết nguồn gốc tài sản.

Tài sản thiệt hại:

- Tiền mặt 11.400.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K (mặt trái tim màu xanh) trọng lượng 01 chỉ; 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 01 chỉ (dạng mắt xích); 02 nhẫn vàng 24K, trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ (trang sức vàng chưa thu hồi được); 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1610 màu hồng (đã thu giữ); 01 loa “kẹo kéo” cùng bộ sạc pin và 02 micro (đã thu giữ). Căn cứ Kết luận Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Định Quán ngày 22/3/2021, xác định trị giá tài sản thiệt hại là 30.300.000 đồng (bút lục số 107).
- Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 30.300.000 đồng + 11.400.000 đồng = 41.700.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào ngày 14/01/2021, H rủ H1 đi trộm cắp tài sản, H1 đồng ý. Đến khoảng 00 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số 60B4-551.34 của gia đình H chở H1 đến khu vực ấp 4, xã La Ngà trộm cắp tài sản, H mang theo 01 kìm cộng lực, 01 đèn pin làm công cụ trộm cắp. Khi đến nhà anh Nguyễn Văn T, H dừng xe lại để H1 đứng ngoài canh chừng, H đi vào dùng kìm cộng lực cắt khóa cổng và khóa cửa nhà, rồi H đi vào trong nhà lục soát trộm cắp tài sản trong phòng ngủ gồm: 01 cặp bông tai vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ; 02 nhẫn cưới vàng 18K (vàng trơn), trọng lượng 02 chỉ; 01 vòng kiềng đeo cổ vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K (không có mặt), trọng lượng 02 chỉ và 01 điện thoại hiệu “Iphone 6” (đã qua sử dụng, không có sim) để ở khu vực nhà bếp. Sau khi lấy tài sản xong, H mang tài sản ra ngoài dùng đèn pin bật sáng ra ám hiệu để H1 điều khiển xe đến chở H về nhà để cất giấu tài sản. Khoảng 06 ngày sau, H đưa cho H3 01 dây chuyền vàng đi bán được 5.700.000 đồng tại tiệm vàng “Thiệt 1”, H cùng H3 đi đến tiệm vàng “Vĩnh Hằng” thuộc ấp Phương Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú bán 02 nhẫn vàng được số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi bán vàng xong thì H lấy 01 đôi bông tai vàng cho H3 sử dụng, nhưng H3 biết là tài sản trộm cắp nên H3 đến tiệm vàng “Thanh Bình” ở khu phố 114, thị trấn Định Quán đổi 01

đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 05 phân để đeo và H3 còn dư lại 300.000 đồng, số tiền này H3 đã tiêu xài hết. Sau đó, H mua cho H3 thêm 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 4,5 phân với giá 2.200.000 đồng tại tiệm vàng “Thanh Bình”. Sau khi bán vàng xong thì H cho H1 số tiền là 1.000.000 đồng, số tiền này H1 đã tiêu xài hết. Điện thoại hiệu “Iphone 6” màu trắng (không có sim), H để tại khu vực bán nước nhà H1, H1 không biết, H tìm lại nhưng không xác định được ở đâu. Sau này do H hết tiền, nên nói H3 mang đôi bông tai H3 đổi trước đó và nhẫn vàng H mua cho H3 (tổng cộng 9,5 phân vàng 18K) đến tiệm vàng “Thiệt 1” (do bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956, trú tại số 22, khu phố H1 Lợi, thị trấn Định Quán làm chủ tiệm) cầm với số tiền là 2.700.000 đồng. H đưa cho H3 xe mô tô biển số 60B4-551.34 của gia đình H là phương tiện đi trộm cắp trước đó, đến tiệm cầm đồ “Trầm” ở khu phố H1 Nhất, thị trấn Định Quán cầm với số tiền là 8.000.000 đồng. Số tiền thu được từ việc bán vàng và tiền cầm cố tài sản H đã tiêu xài cá nhân hết và lo ăn uống sinh hoạt cho H3.

Tài sản thiệt hại:

- 01 cặp bông tai vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ; 02 nhẫn cưới vàng 18K (vàng trơn), trọng lượng 02 chỉ; 01 kiềng đeo cổ vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K (không có mặt), trọng lượng 02 chỉ, và 01 điện thoại Iphone 6, (trang sức vàng và điện thoại chưa thu hồi được). Căn cứ Kết luận Định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Định Quán ngày 22/3/2021, xác định trị giá tài sản thiệt hại có giá trị là 24.250.000 đồng (bút lục số 99).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Định Quán, Huỳnh Anh H, Nguyễn Thị H1 và Lê Thanh H3 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Vật chứng thu giữ trong các vụ án:

- *Vụ thứ nhất:* 01 tivi hiệu “TLC 55 inch”, màu đen, model: L55P65-UF, POWER SUPPLY: 100-240V, 50/60Hz 125.

- *Vụ thứ hai:* 01 điện thoại di động hiệu “Vivo 1610” màu hồng (đã qua sử dụng); 01 loa “kẹo kéo” màu đen, hiệu Soncamedia corporation (Acnos) KB39U, 02 Micro màu trắng.

- *Vụ thứ ba:* 01 nhẫn kim loại màu vàng hình đồng tiền, mặt trong nhẫn khắc chữ TKJ 610; 02 bông tai kim loại màu vàng, có 03 chữ hình chữ nhật xiên, đính hạt màu trắng, khắc chữ KL 610; 01 cây kim cộng lực “size 42”, 1050mm; 01 đèn pin màu xanh; 01 xe mô tô biển số 60B4-551.34, hiệu Honda Blade, màu đen-xám, số khung 3603EY016003, số máy JA36E0145841; số tiền 50.000 đồng, H cho chị Nhi từ việc phụ bán giùm tivi trộm cắp và số tiền 1.000.000 đồng là tiền bán vàng H cho H1.

Tại cáo trạng số 65/CT-VKSDQ ngày 15 tháng 6 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã truy tố bị các cáo như sau:

- *Huỳnh A H bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự;*

- Nguyễn Thị H1 bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

- Lê Thanh H3 bị truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa trình bày luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh A H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1, Điều 323; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh H3 từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 1.050.000 đồng (là tiền thu lợi bất chính do bị cáo H1 và chị Nhi giao nộp).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kim cộng lực “size 42”, 1050mm; 01 đèn pin màu xanh.

- Tại phiên tòa Viện kiểm sát bổ sung Cáo trạng như sau: Viện kiểm sát bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo Lê Thanh H3; bổ sung thêm về phần trách nhiệm dân sự buộc bị cáo H phải bồi thường cho các bị hại nêu trên tổng số tiền là 32.050.000 đồng, bị cáo H1 phải bồi thường cho bị hại là 7.000.000 đồng, bị cáo H3 phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 27.550.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa thì bị cáo H3 đã nộp số tiền 27.550.000 đồng và bị cáo H1 đã nộp đủ số tiền 7.000.000 đồng để bồi thường cho nhưng người bị hại nêu trên và hiện số tiền này đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán để đảm bảo thi hành án, nên các bị cáo H1 và H3 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là đã khắc phục hậu quả, riêng bị cáo H chưa bồi thường do đó buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại nêu trên.

- Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền là 8.000.000 đồng (là tiền thu lợi bất chính) để nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo, thống nhất về xử lý vật chứng và tự nguyện bồi

thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng số 65/CT-VKSDQ ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã truy tố bị cáo Huỳnh A H (tên gọi khác: H Trâu) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 2, Điều 173; bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác: Út H1) theo khoản 1, Điều 173 và bị cáo Lê Thanh H3 (tên gọi khác: Thắm) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323, tội phạm và hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Trong vụ án này các bị cáo là công dân có đủ nhận thức để hiểu được hậu quả của hành vi sai trái và những quy định cấm đoán của pháp luật đối với hành vi phạm tội, nhưng vì tham lam, vụ lợi mà các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, Huỳnh A H là người chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm, Nguyễn Thị H1 đồng phạm với vai trò “Người giúp sức”. Lê Thanh H3 biết rõ tài sản H trộm cắp được mà có nhưng vẫn trực tiếp và cùng H mang vàng đi tiêu thụ. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo và áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo phù hợp với từng vai trò, tính chất mức độ của hành vi phạm tội nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Bị cáo H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo H và bị cáo H3 có 01 tình tiết tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo H1 và H3 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục hậu quả và giao lại số tiền thu lợi bất chính; những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự như: Các bị cáo có hoàn

cảnh gia đình kinh tế khó khăn, bị cáo H1 và H3 là lao động chính, bị cáo H1 phải một mình nuôi 04 con chung còn nhỏ do chồng trước đã ly hôn và bỏ đi đâu không rõ và không chăm sóc cũng như cấp dưỡng nuôi con chung, chồng sau đã chết, bản thân bị cáo sau khi phạm tội đã tự ra đầu thú; bị cáo H3 cũng phải tự mình nuôi 02 con còn nhỏ, bản thân bị cáo là lao động chính khi dịch bệnh Covid -19 bùng phát bị cáo không có công ăn việc làm nên trong thời gian sống như vợ chồng với bị cáo H thì bị cáo phụ thuộc vào kinh tế bị cáo H để nuôi các con do đó bị cáo nhất thời có hành vi vi phạm pháp luật, từ khi bị khởi tố, truy tố cho đến nay các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội là sai trái và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương nơi cư trú, trong thời gian được tại ngoại các bị cáo đã cố gắng làm việc để có tiền khắc phục hậu quả cho những người bị hại. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Tuy nhiên cần phải cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo như sau: mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo H phải là hình phạt tù vì bị cáo H có nhân thân xấu, vừa có tình tiết định khung hình phạt vừa có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó mức hình phạt đối với bị cáo phải cao hơn các bị cáo còn lại; bị cáo H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy là đồng phạm giúp sức cho bị cáo H nhưng chỉ tham gia một vụ trộm cắp nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo thấp hơn bị cáo H và H3; bị cáo H3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng lại có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo cao hơn bị cáo H1, nhưng thấp hơn bị cáo H.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo H1 và bị cáo H3 vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật để các bị cáo này có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các con nhỏ, bên cạnh đó khi áp dụng hình phạt thì mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo H1 và H3 không quá 03 năm, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Vì vậy, cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[5] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án

Đối với 01 cây kim cộng lực “size 42”, 1050mm; 01 đèn pin màu xanh, là công cụ H sử dụng trộm cắp tài sản, H tự nguyện giao nộp, xét giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60B4-551.34, hiệu Honda Blade, màu đen-xám, số khung 3603EY016003, số máy JA36E0145841, là phương tiện của gia đình H, H điều khiển làm phương tiện đi trộm cắp tài sản (gia đình không biết) sau đó H cầm cố tại tiệm cầm đồ Trầm với số tiền là 8.000.000 đồng. Chủ cơ sở cầm đồ đã tự nguyện giao

nộp. Ông Huỳnh A Xây (là cha ruột của H), đã thỏa thuận với chủ cơ sở cầm đồ Trầm để trả số tiền H đã nhận trong việc cầm xe là 8.000.000 đồng cho ông Trầm. Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông Xây. Ông Xây không yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền trên nên không xét.

Đối với số tiền 50.000 đồng, H cho chị Nhi từ việc phụ bán giùm tivi trộm cắp, chị Nhi đã tự nguyện giao nộp, đây là số tiền thu lợi bất chính nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, chị Nhi không yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền trên nên không xét.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng là tiền bán vàng H cho H1, H1 đã tự nguyện giao nộp, đây là số tiền thu lợi bất chính nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số vàng thiệt hại, quá trình xác minh, làm việc với các cơ sở kinh doanh mua bán Vàng trình bày không nhớ khách đến mua bán vàng và không lưu hóa đơn, chứng từ mua bán, sau khi cơ sở mua vàng xong, đã nhanh chóng nấu thành phôi, nên chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, tách hồ sơ xử lý sau.

Đối với anh Trang Văn Tài, chị Huỳnh Ngọc Yến Nhi, quá trình anh Tài mua tivi và chị Nhi phụ đi bán tivi, thì H nói là ti vi của người quen, anh Tài và chị Nhi không biết là tài sản H trộm cắp được mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với anh Nguyễn Quốc Hải được H cho mượn 01 dàn loa “kẹo kéo” để sử dụng, anh Hải không biết là tài sản H trộm cắp được mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với các chủ cơ sở kinh doanh tiệm vàng “Thiệt 1”, “Thanh Bình” và “Vĩnh Hằng”, quá trình mua bán và cầm cố vàng không biết là tài sản liên quan đến trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Vụ thứ nhất: Vòng Sỳ L đã nhận lại chiếc ti vi nói trên không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm nên không xét. Tuy nhiên, anh Trang Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho anh số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường và trong vụ án này bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội một mình nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 4.500.000 đồng.

Vụ thứ 2:

- Bà Võ Thị T đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1610, màu hồng (trị giá 1.000.000 đồng), 01 loa “kẹo kéo” cùng bộ sạc pin và 02 micro (trị giá 2.000.000 đồng), không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại gì nên không xét về phần này.

- Bà Võ Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo H phải bồi thường đối với số vàng bị mất chưa thu hồi được (trị giá 27.000.000 đồng) và số tiền mất bị mất là 11.400.000 đồng, tổng cộng là 38.400.000 đồng. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo H3 tiêu thụ tài sản phạm tội do bị cáo H thực hiện, có thu lợi bất chính và số tiền thu lợi bất chính được sử dụng vào việc sinh hoạt chung nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Thảo số tiền 38.400.000 đồng, chia phần cụ thể cho mỗi bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Thảo số tiền 19.200.000 đồng.

Vụ thứ ba:

- Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền còn lại là 21.096.000 đồng. Tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo H và H1 thực hiện hành vi trộm cắp, H3 tiêu thụ tài sản trộm cắp, tiền thu lợi bất chính các bị cáo đều được hưởng, H3 và H sử dụng chung. Vì vậy, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Thể số tiền 21.096.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Thể số tiền 7.032.000 đồng (làm tròn thành 7.000.000 đồng).

- Bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho bà số tiền 2.700.000 đồng. Tuy nhiên, H3 dùng vàng của H trộm cắp được đi đổi trang sức vàng khác để sử dụng, sau đó H3 mang đi cầm cố tại tiệm vàng “Thiệt 1” được 2.700.000 đồng. Chủ cơ sở kinh doanh bà Nguyễn Thị Phước, đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, nay bà Phước có yêu cầu bồi thường thì buộc bị cáo H và bị cáo H3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 2.700.000 đồng, chia phần cho mỗi bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Phước số tiền 1.350.000 đồng.

Như vậy bị cáo H phải bồi thường cho các bị hại nêu trên tổng số tiền là 32.050.000 đồng, bị cáo H1 phải bồi thường cho bị hại là 7.000.000 đồng, bị cáo H3 phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 27.550.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa thì bị cáo H3 đã nộp số tiền 27.550.000 đồng và bị cáo H1 đã nộp đủ số tiền 7.000.000 đồng để bồi thường cho những người bị hại nêu trên và hiện số tiền này đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán để đảm bảo thi hành án, riêng bị cáo H chưa bồi thường do đó buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại nêu trên.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do tình hình dịch bệnh Covid và công tác phòng chống dịch nên sự vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, do đó Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định, nếu ai có yêu cầu gì liên quan đến phần dân sự thì được giải quyết thành vụ án khác.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Riêng bị cáo Lê Thanh H3 và bị cáo Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do đã nộp đủ số tiền bồi thường cho những người bị hại trong vụ án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh đối với các bị cáo, hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác. Việc bổ sung Cáo trạng của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, Cáo trạng Viện kiểm sát buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng là không chính xác bởi lẽ số tiền này là do ông Huỳnh A Xây là cha của bị cáo H tự nguyện bỏ ra bồi thường cho bị

cáo H và ông Xây không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này, đây là tài sản hợp pháp của ông Xây nhưng ông Xây không có yêu cầu thì không xét và không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để tịch thu sung công quỹ nhà nước vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị về phần này của Viện kiểm sát.

[10] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh A H (tên gọi khác: H Trâu) và Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác: Út H1) phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Lê Thanh H3 (tên gọi khác: Thắm) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52,; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt: **Huỳnh A H** (tên gọi khác: H Trâu) **04** (bốn) **năm 06** (sáu) **tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2021.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt: **Nguyễn Thị H1** (tên gọi khác: Út H1) **01** (một) **năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02** (hai) **năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt: **Lê Thanh H3** (tên gọi khác: Thắm) **01** (một) **năm 06** (sáu) **tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03** (ba) **năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 về cho Ủy ban nhân dân thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Thanh H3 về cho Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.050.000 đồng (số tiền này hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán để đảm bảo cho việc thi hành án theo biên lai thu tiền số 0002934 ngày 15/6/2021).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kim cộng lực “size 42”, 1050mm; 01 đèn pin màu xanh.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 468, 584, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trang Anh Tài số tiền 4.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Huỳnh A H (tên gọi khác: H Trâu) và Lê Thanh H3 (tên gọi khác: Thắm) phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Võ Thị Thảo tổng số tiền 38.400.000 đồng, chia phần cụ thể cho mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Thảo số tiền 19.200.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Huỳnh A H (tên gọi khác: H Trâu), Lê Thanh H3 (tên gọi khác: Thắm) và Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác: Út H1) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn Thê tổng số tiền 21.096.000 đồng, chia phần cho mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Thê số tiền 7.032.000 đồng (làm tròn thành 7.000.000 đồng).

- Buộc các bị cáo Huỳnh A H (tên gọi khác: H Trâu) và Lê Thanh H3 (tên gọi khác: Thắm) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phước tổng số tiền 2.700.000 đồng, chia phần cho mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Phước số tiền 1.350.000 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 27.550.000 đồng của bị cáo H3 và 7.000.000 đồng của bị cáo H1, tổng cộng là 34.550.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án (theo biên lai thu tiền số 0000507 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm; Riêng bị cáo Huỳnh A H (tên gọi khác: H Trâu) phải chịu 1.602.500 đồng (làm tròn thành 1.602.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Định Quán;
- Công an huyện Định Quán;
- Chi cục THA dân sự Định Quán;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn